

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24-01-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Mạnh Hùng

Bà Lương Thị Mai Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L, nơi cư trú: Số nhà a, khu b, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Đình V, nơi cư trú: Số nhà a, khu b, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà xây dựng hạnh phúc với ông Lê Đình V trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 1991. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà L

và ông V đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Đình V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Đình P sinh ngày 31 tháng 12 năm 1991 và Lê Thị Minh Ph sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Bị đơn ông Lê Đình V trình bày thống nhất với nguyên đơn về điều kiện kết hôn. Ông V trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong kinh tế gia đình. Ngoài ra còn có thêm nguyên nhân do ông V có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng sau khi bà L phát hiện ông đã chấm dứt mối quan hệ trên. Ông V không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà L nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Đình Ph sinh ngày 31 tháng 12 năm 1991 và Lê Thị Minh P sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều **51, 56** của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn ông Lê Đình V. Về tài sản chung bà L và ông V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị L và ông Lê Đình V kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1991, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống bà L và ông V đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra còn có nguyên nhân do ông V có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 9 năm 2021. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Đình Phong sinh ngày 31 tháng 12 năm 1991 và Lê Thị Minh Phương sinh ngày 30 tháng 12 năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành, bà L, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Phạm Thị L và ông Lê Đình V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn ông Lê Đình V.
2. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007758 ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đình V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
  - TAND thành phố Hải Phòng;
  - VKSND huyện Thủy Nguyên;
  - Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
  - UBND thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên
- (số 17/1991);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**